

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2026/KDTM-PT

Ngày: 13-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Ông Trần Nam Bình

**Thư ký phiên toà:** Bà Lâm Hỷ Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:** Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 13-01-2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2025/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 64/2025/KDTM-ST ngày 28-8-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7308/2025/QĐ-PT ngày 08-12-2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 23302/2025/TB-TA ngày 24-12-2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty H

Địa chỉ: 12 đường D, phường N, tỉnh Gia Lai.

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Nguyễn Thị Thanh D – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: đường D, phường N, tỉnh Gia Lai.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Hữu T, sinh năm 1983 (vắng mặt); bà Đinh Thị H1, sinh năm 2002 (có mặt). Địa chỉ: 213 đường A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 22-4-2025).

**Bị đơn:** Công ty Q.

Địa chỉ: 54 Đường số D, khu dân cư L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Thái Thuật H2 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: 446/22 đường H, phường Chánh H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Trọng T1, sinh năm 1992 (có mặt); bà Nguyễn Hà Thanh L, sinh năm 1997 (có mặt). Địa chỉ: 54 Đường số D, khu dân cư L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 0812/2025/LSS-UQ-BTGD ngày 08-12-2025)

Người kháng cáo: Công ty Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty H trình bày:*

Ngày 30-11-2021, Công ty H (Nguyên đơn) và Công ty Q (Bị đơn) có ký kết Hợp đồng số 62/2021/HĐTC/LSS-ALH về việc “Cung cấp và thi công hoàn thiện Bê tông cào Bền Tàu” tại Dự án Tổ hợp Du lịch Thương mại giải trí Merryland N, tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai). Giá trị hợp đồng tạm tính là 2.352.114.996 đồng. Hợp đồng quy định tiến độ thanh toán bao gồm tạm ứng, thanh toán đợt, quyết toán (95% giá trị công việc đã thực hiện trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán) và bảo hành (5% giá trị hợp đồng còn lại sau 12 tháng bảo hành). Hợp đồng cũng quy định phạt vi phạm hợp đồng là 0,5% trên giá trị phần thanh toán chậm cho 01 ngày chậm trễ, nhưng tổng số ngày chậm trễ không quá 30 ngày và tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Ngày 02-12-2021, Nguyên đơn nhận bàn giao mặt bằng từ Bị đơn. Ngày 01-01-2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 62/2021/HĐTC/LSS-ALH/PL01 điều chỉnh bổ sung hạng mục phát sinh tăng, giảm của Hợp đồng thi công số 62/2021/HĐTC/LSS-ALH. Đến ngày 01-4-2022, Nguyên đơn hoàn thành việc thi công. Ngày 04-4-2022, các bên ký Biên bản Nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Tổng giá trị thi công sau quyết toán là 2.318.307.857 đồng. Nguyên đơn đã xuất đủ hóa đơn Giá trị gia tăng. Bị đơn đã thanh toán tổng số tiền là 2.013.610.452 đồng. Còn lại số tiền là 304.697.405 đồng chưa thanh toán.

Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị Bị đơn thanh toán số tiền còn lại, bao gồm các công văn gửi vào ngày 03-04-2023, 04-10-2023, 19-10-2023 và 28-11-2023. Bị đơn viện dẫn lý do Nguyên đơn chưa gửi hồ sơ quyết toán theo quy định. Ngày 10-3-2025, Nguyên đơn đã gửi lại bộ hồ sơ quyết toán đầy đủ tới địa chỉ của Bị đơn và thông báo qua email, yêu cầu Bị đơn phản hồi trong vòng 07 ngày. Khi hết thời hạn 07 ngày mà Bị đơn không phản hồi, Nguyên đơn cho rằng hồ sơ đã đầy đủ và chính xác. Ngày 21-3-2025, Nguyên đơn tiếp tục gửi công văn đề nghị Bị đơn thanh toán.

Tuy nhiên, đến nay Bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại là 304.697.405 đồng. Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thanh toán các khoản sau:

- Số tiền thi công chưa thanh toán: 304.697.405 đồng.

Tiền phạt vi phạm hợp đồng (12% giá trị hợp đồng bị vi phạm) là 36.563.688 đồng (304.697.405 đồng x 12%).

Tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 21-03-2025 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 28-8-2025 (161 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 13.437.268 đồng ( $304.697.405 \text{ đồng} \times 10\% \times 161/365$ ).

Tổng số tiền Công ty LSS phải thanh toán cho Nguyên đơn là: 354.698.361 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán số tiền 304.697.405 đồng nợ theo Hợp đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng (08% giá trị hợp đồng bị vi phạm): 24.375.792 đồng ( $304.697.405 \text{ đồng} \times 8\%$ ) và tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 21-03-2025 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 28-8-2025 (161 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 13.437.268 đồng ( $304.697.405 \text{ đồng} \times 10\% \times 161/365$ ). Tổng cộng là 342.510.465 đồng.

*Bị đơn Công ty Q trình bày:*

Thứ nhất, việc nghiệm thu, thanh toán và quyết toán chỉ được thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, yêu cầu phải có đại diện của ba bên (Chủ đầu tư, Công ty Cảnh Quan, Công ty An Lộc Hưng) và hồ sơ quyết toán đầy đủ. Nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Thứ hai, việc nghiệm thu khối lượng thi công thực tế là bắt buộc với Ban Quản lý Dự án và các bên liên quan, phải có Biên bản nghiệm thu được ký xác nhận của ba bên. Bị đơn đã nhiều lần nhắc nhở Nguyên đơn phối hợp xử lý lỗi thi công nhưng Nguyên đơn không hợp tác, dẫn đến Chủ đầu tư không chấp nhận nghiệm thu bàn giao cho Bị đơn. Việc Nguyên đơn tự suy luận rằng không nhận được phản hồi sau 07 ngày thì hồ sơ đã đầy đủ là không có cơ sở. Bị đơn chưa nhận được bản cứng bộ hồ sơ quyết toán Nguyên đơn gửi ngày 10-3-2025.

Thứ ba, số tiền thi công còn lại không có căn cứ xác định chính xác do khối lượng thực tế chưa được nghiệm thu theo hợp đồng đơn giá cố định và Nghị định 37/2015/NĐ-CP.

Thứ tư, do Nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán, không thể xác định mốc thời gian bắt đầu tính hạn thanh toán, nên yêu cầu phạt vi phạm và lãi suất là không có cơ sở. Bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu Nguyên đơn phối hợp thực hiện nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành.

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 64/2025/KDTM-ST ngày 28-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

*Xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty H.

Buộc Công ty Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 342.510.465 (ba trăm bốn mươi hai triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Bao gồm:

Nợ gốc chưa thanh toán: 304.697.405 đồng.

Tiền phạt vi phạm hợp đồng: 24.375.792 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28-8-2025: 13.437.268 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28-8-2025) cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì Công ty Q còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-9-2025, Bị đơn Công ty Q có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

*Tại phiên toà phúc thẩm,*

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 64/2025/KDTM-ST ngày 28-8-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty H khởi kiện Bị đơn Công ty Q yêu cầu thanh toán tiền thi công còn nợ theo hợp đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng xây dựng, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Toà án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 28-8-2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm; ngày 10-9-2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của Bị đơn. Xét thấy, đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án do cấp sơ thẩm chỉ căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày 04-4-2022 để xác định nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thoả thuận của các bên trong Hợp đồng thi công. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Nguyên đơn và Bị đơn ký kết Hợp đồng số 62/2021/HĐTC/LSS-ALH ngày 30-11-2021 và Phụ lục hợp đồng số 62/2021/HĐTC/LSS-ALH/PL01 ngày 01-01-2022. Xét thấy, Hợp đồng được đại diện hợp pháp của Nguyên đơn, Bị đơn ký kết tự nguyện, có hình thức và nội dung không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên tham gia ký kết Hợp đồng. Ngày 04-4-2022, các bên ký Biên bản Nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Tổng giá trị thi công sau quyết toán là 2.318.307.857 đồng. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn Giá trị gia tăng; Bị đơn đã thanh toán tổng số tiền là 2.013.610.452 đồng; còn lại 304.697.405 đồng chưa thanh toán.

[5] Bị đơn cho rằng Biên bản nghiệm thu số MRL-BT-LSS-ALH-HTTC-BBNT-001 ngày 04-4-2022 không phải là căn cứ duy nhất để xác định nghĩa vụ thanh toán như quy định tại điểm b.2 khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng; Bị đơn không nhận được bộ hồ sơ quyết toán từ Nguyên đơn. Theo Nguyên đơn trình bày, sau khi các bên ký Biên bản nghiệm thu, ngày 10-12-2022, Nguyên đơn đã gửi toàn bộ hồ sơ quyết toán cho Bị đơn qua đường bưu điện, sau đó thông báo qua zalo cho Bị đơn được biết; trong năm 2023, Nguyên đơn liên tục gửi các công văn yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ; nhưng Bị đơn không thanh toán và viện lý do Nguyên đơn chưa gửi hồ sơ quyết toán. Ngày 10-3-2025, qua trao đổi với ông Luông là nhân sự của Bị đơn, một lần nữa Nguyên đơn gửi báo phát bộ hồ sơ quyết toán đến địa chỉ trụ sở của Bị đơn theo thông tin do ông Luông cung cấp, đồng thời gửi email thông báo đến Công ty về việc ký lại bộ hồ sơ quyết toán tuy nhiên Bị đơn không phản hồi. Tại đơn kháng cáo, Bị đơn xác nhận lỗi sơ suất không phản hồi công văn của Nguyên đơn đối với nội dung *“sau 07 (bảy) ngày kể từ khi gửi hồ sơ mà không nhận được phản hồi, thì xem như hồ sơ của Công ty An Lộc Hưng đã đầy đủ và chính xác”*. Xét thấy, tại phiên toà, đại diện Bị đơn ông Lê Trọng Thiện xác nhận ông Luông là nhân viên phụ trách nhận hồ sơ thanh quyết toán của Công ty Bị đơn; căn cứ Giấy báo phát của bưu cục thể hiện ngày 12-3-2025 Nguyên đơn đã gửi đến Bị đơn hồ sơ thanh toán theo đúng các thông tin do ông Luông cung cấp; email trao đổi giữa hai bên liên quan đến công nợ, ông Lê Trọng Thiện xác nhận là địa chỉ email của Công ty Bị đơn và do ông Thiện đại diện trả lời. Mặt khác, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Bị đơn đã tiếp cận các tài liệu, chứng cứ trong đó có Hồ sơ quyết toán do

Nguyên đơn cung cấp. Do đó, tại phiên toà, Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phối hợp với nhân sự phía Bị đơn thực hiện nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành thực tế làm cơ sở xác định nghĩa vụ thanh toán là không cần thiết, khoản nợ tồn đọng kéo dài từ năm 2022 đến nay gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn trả nợ gốc cho Nguyên đơn 304.697.405 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của Nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 14 của Hợp đồng số 62/2021/HĐTC/LSS-ALH quy định: *nếu Bên A (Bị đơn) thanh toán chậm theo quy định của Hợp đồng phải chịu xử phạt cho Bên B (Nguyên đơn) theo mức 0,5% tính trên giá trị phần thanh toán chậm cho 01 (một) ngày chậm trễ nhưng tổng số ngày chậm trễ không được vượt quá 30 (ba mươi) ngày. Tổng giá trị phạt không vượt quá 12% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.* Thoả thuận phạt vi phạm hợp đồng của các bên là phù hợp với quy định của Luật Xây dựng 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng, tuy nhiên tại phiên toà, Nguyên đơn áp dụng mức phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, tương ứng số tiền phạt:  $304.697.405 \text{ đồng} \times 8\% = 24.375.792 \text{ đồng}$  là có lợi cho Bị đơn; do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Về tiền lãi chậm thanh toán: Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Luật Xây dựng quy định: *“...Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan khác”*. Theo điểm b2, khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng về quyết toán: *sau khi Bên A (Bị đơn) nghiệm thu hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B (Nguyên đơn) 95% giá trị quyết toán của Hợp đồng còn lại trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.* Nguyên đơn đã gửi đầy đủ hồ sơ quyết toán và sau 07 ngày Bị đơn không có phản hồi nên hồ sơ được xem là đầy đủ và hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22-4-2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định: *“Trường hợp bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”* Nguyên đơn yêu cầu lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10% năm, so với mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng MB Bank là có lợi cho Bị đơn; do đó cấp sơ thẩm buộc Bị đơn chịu lãi chậm thanh toán tính từ ngày 21-3-2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-8-2025 với số tiền 13.437.268 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Bị đơn.

[9] Xét thấy, quan hệ tranh chấp giữa các bên liên quan đến Hợp đồng xây dựng được điều chỉnh bởi Luật Xây dựng 2014 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Cấp sơ thẩm viện dẫn các điều luật của Luật Thương mại giải quyết tranh chấp là không phù hợp, tuy nhiên kết quả giải quyết không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn, Bị đơn nên Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[10] Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Q. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 64/2025/KDTM-ST ngày 28-8-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 146 của Luật Xây dựng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Luật Thi hành án dân sự 2008; sửa đổi, bổ sung năm 2014.

### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Xây dựng An Lộc Hưng.

Buộc Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Xây dựng An Lộc Hưng tổng số tiền là 342.510.465 (ba trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm mười nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng; trong đó: nợ gốc 304.697.405 (ba trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm lẻ năm) đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng 24.375.792 (hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi hai) đồng, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28-8-2025 là 13.437.268 (mười ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi tám) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của Luật Xây dựng và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Q phải chịu án phí là 17.125.523 (mười bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi ba) đồng.

Công ty H không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 8.594.136 (tám triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0072682 ngày 09-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Q phải chịu án phí 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0026572 ngày 15-10-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./ .

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 - TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 2 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, Hs (T13).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Quỳnh Trâm**